

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/DS - PT

Ngày: 21 – 9 – 2021

V/v Đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Mai Vương Thảo;

***Các Thẩm phán:*** Ông Vũ Việt Dũng  
Ông Trần Hoài Sơn

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Ngân, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng:*** Bà Lương Thị Chung, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2021/TLPT – DS ngày 28 tháng 5 năm 2021 về “*Đòi lại tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS – ST ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 34/2021/QĐXXPT – DS ngày 09 tháng 07 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 53/2021/QĐPT – DS ngày 27/7/2021 và Thông báo số 266/TB – TA ngày 06 tháng 09 năm 2021 về việc mở lại phiên tòa xét xử vụ án dân sự, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1966;

Địa chỉ: số x đường Lê Đại Hành, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. ***Bị đơn:*** Ông Hồ Thăng Y, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Kx/62 Hoàng Văn Thái, phường Hòa M, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt)

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

\* Ông Lê M, sinh năm 1937

Địa chỉ: Thôn Nam S, xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt).

\* Bà Hồ Thị N, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số y đường Đ, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị P, là nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện gửi ngày 11/5/2020, tại Bản tự khai ngày 28/9/2020, bản trình bày ngày 15/4/2021, trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P và người đại diện theo ủy quyền của bà là ông Nguyễn Đình T trình bày:*

Cuối năm 2009, bà Hồ Thị N rủ bà P mua chung đất vườn của ông Lê M với giá 290.000.000 đồng, trong đó tiền mua đất là 240.000.000đ và tiền môi giới là 50.000.000đ. Ngày 27/12/2009, bà N bảo em trai là ông Hồ Thăng Y dẫn bà P đến gặp ông Lê M để bàn chuyện mua đất. Tại quán cà phê ở xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang, bà P giao cho ông Y số tiền 120.000.000đ để mua đất. Ông Y là người trực tiếp viết giấy và nhận tiền của bà P. Sau này bà P mới biết khu đất vườn của ông Lê M không có thực nên khi bà Hồ Thị N bị bắt, bà P có làm đơn tố cáo bà Hồ Thị N và ông Hồ Thăng Y có hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng nhưng có kết luận đây là quan hệ dân sự.

Bà Nguyễn Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hồ Thăng Y phải trả lại số tiền 120.000.000đ và không yêu cầu trả lãi.

*Theo bản tự khai ngày 15/10/2020, tại các phiên hòa giải và đối chất, bị đơn ông Hồ Thăng Y trình bày:*

Vào ngày 27/12/2009 ông có chứng kiến giao dịch mua bán đất giữa bà Nguyễn Thị P, bà Hồ Thị N và ông Lê M tại quán cà phê tại xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Ông Y chỉ là người trực tiếp viết giấy nhận tiền dùm cho ông Lê M nhưng không ký vào giấy nhận tiền và cũng không nhận số tiền 120.000.000đ từ bà Nguyễn Thị P. Sau khi viết xong giấy nhận tiền ông Y đưa cho bà P và bà N, còn việc ai là người ký và ai là người nhận tiền thì ông Y hoàn toàn không biết. Nay, bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu ông Hồ Thăng Y phải trả số tiền 120.000.000đ thì ông Y không đồng ý.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

*Bà Hồ Thị N hiện đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Bình Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tại bản tự khai ngày 18/12/2020 và biên bản lấy lời khai của đương sự cùng ngày, bà Hồ Thị N trình bày:*

Do có mối quan hệ làm ăn trong lĩnh vực mua bán đất từ trước nên vào năm 2009 bà N giới thiệu cho bà Nguyễn Thị P mua khu đất vườn của ông Lê M và việc giao dịch mua bán đất được thực hiện tại quán cà phê tại xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Khi đi giao dịch mua bán đất, bà N thường dẫn theo em trai là Hồ Thăng Y đi cùng để phụ giúp. Vào ngày 27.12.2009, tại quán cà phê, bà N và bà P nhờ ông Hồ Thăng Y viết hộ giấy nhận tiền. Sau khi Y viết xong Giấy nhận tiền, bà P đưa cho ông Lê M ký và ông Lê M nhận số tiền 120.000.000 đồng từ bà P. Việc bà Nguyễn Thị P khởi kiện ông Hồ Thăng Y tại Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, bà N không có ý kiến gì.

*Ông Lê M không có lời trình bày trong hồ sơ vụ án.*

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 280; 688 Bộ luật Dân sự 2015 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P về việc yêu cầu bị đơn ông Hồ Thăng Y phải thanh toán số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch trong trường hợp yêu cầu của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận.

*Với nội dung vụ án nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS – ST ngày 15 tháng 4 năm 2021 Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu quyết định:*

Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Các điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 275, Điều 280; Điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P về việc yêu cầu bị đơn ông Hồ Thăng Y phải thanh toán số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị P có các bản trình bày ý kiến kháng cáo ngày 27/4/2021 và ngày 17/5/2021 với nội dung: đề nghị cấp phúc thẩm hủy

bản án sơ thẩm vì lý do Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu tạm đình chỉ giải quyết vụ án của ông Nguyễn Đình Trung là người đại diện theo ủy quyền của bà ở cấp sơ thẩm để chuyển hồ sơ vụ án đến Cơ quan điều tra Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, xác minh làm rõ căn cứ nào Công an thành phố Đà Nẵng xác định bà P trực tiếp giao số tiền 120.000.000 đồng cho ông Lê M.

\* Tại cấp phúc thẩm: Người kháng cáo không rút kháng cáo.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị P. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ y án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều vắng mặt. Bà Nguyễn Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 21/7/2021. Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, ông Hồ Thăng Y có đơn vắng mặt tại phiên tòa ngày 19/3/2021. Tại bản tự khai ngày 12/11/2020. Bà Hồ Thị N hiện đang chấp hành án tại trại giam Bình Điện, tỉnh Thừa Thiên Huế đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại các Điều 238 và Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

### **[2] Về nội dung:**

Tại các bản trình bày ý kiến kháng cáo ngày 27/4/2021 và ngày 17/5/2021, các đơn đề nghị ngày 04/3/2021 và ngày 15/10/2020 ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị P đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm “*Đòi lại tài sản*” theo điểm h Điều 214 Bộ luật Tố tụng dân sự, để chờ kết quả giải quyết của Cơ quan điều tra Viện Kiểm sát nhân dân tối cao theo Phiếu chuyển đơn số: 59-CV/BNCTU ngày 17/1/2020 của Ban Nội chính thành ủy Đà Nẵng về việc chuyển đơn của ông Nguyễn Đình T tố giác Thủ trưởng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng có dấu hiệu làm sai lệch hồ sơ vụ án, vụ việc. Tại đơn ngày 11/12/2020, ông Nguyễn Đình T đề nghị Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án chuyển hồ sơ cho cơ quan cảnh sát điều tra làm rõ: Ông Lê M là ai? Hiện nay đang ở đâu? Hay là bà Hồ Thị N và Hồ Thăng Y bịa đặt thông tin về ông Lê M bán đất để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị P. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị P thì thấy:

[2.1] Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1958; trú tại: Số y/5E Dũng Sĩ Thanh Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị P tại giai đoạn sơ thẩm, theo giấy ủy quyền lập ngày 22/8/2020 tại Văn phòng Công chứng Pháp Chứng. Quá trình giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của bà P, ông Trung nhiều lần đề nghị Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự là nhằm chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan cảnh sát điều tra để làm rõ việc bà Hồ Thị N và Hồ Thăng Y có bịa đặt thông tin về ông Lê M bán đất để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị P hay không? Theo bà P trình bày, bà có làm đơn tố cáo bà Hồ Thị N và ông Hồ Thăng Y có hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng nhưng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng kết luận đây là giao dịch mua bán đất. Tại Bản Kết luận điều tra vụ án hình sự đề nghị truy tố số 57/PC45 ngày 25/7/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng đã khẳng định đây là giao dịch mua bán đất giữa bà P và ông Lê M, chưa có cơ sở xác định Hồ Thị N chiếm đoạt của chị P số tiền trên (số tiền 145.000.000đ).

[2.2] Theo phạm vi khởi kiện ban đầu, bà P khởi kiện ông Y yêu cầu trả lại số tiền 120.000.000đ mà theo bà là do bà đưa trực tiếp cho ông Y để thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông M. Các đương sự đều thống nhất thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà P, bà N với ông M là có thật, giấy nhận tiền viết tay lập ngày 27/12/2009 là có thật. Theo đó, bà P và bà N cùng thỏa thuận, cùng nhận chuyển nhượng thửa đất của ông M với số tiền chuyển nhượng là 240.000.000đ. Bà P và bà N mỗi người trả một nửa số tiền chuyển nhượng cho ông M. Riêng bà P đã trả số tiền 120.000.000đ. Trước khi trả tiền, bà P đã biết ông Hồ Thăng Y là em trai bà N. Giấy nhận tiền viết tay lập ngày 27/12/2009 là do ông Y viết.

[2.3] Ông Y thừa nhận ông viết thay cho ông M, sinh năm 1937, nhưng ông không nhận tiền của bà P, sau khi viết, ông đưa cho bà N, bà P chứ ông không giữ giấy này. Tại bản tự khai ngày 18/12/2020 và biên bản lấy lời khai của đương sự cùng ngày, bà Hồ Thị N trình bày thống nhất với nội dung trình bày của ông Y. Tại đơn khởi kiện, các bản trình bày và tại Biên bản đối chất ngày 11/12/2020, ông Trung, bà P khẳng định đã đưa số tiền 120.000.000đ cho ông Hồ Thăng Y nhưng không được các bên đương sự thừa nhận, cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh.

[2.4] Mặt khác, nguyên đơn cũng không giải thích được lý do vì sao không đưa tiền trực tiếp cho ông M mà phải đưa cho ông Hồ Thăng Y trong khi ông M

cũng có mặt tại thời điểm các bên lập giấy nhận tiền, và ông M là người có đất chuyển nhượng; không có ý kiến phản đối hoặc thắc mắc lý do vì sao ông M ký nhận tiền mà ông Y là người giữ tiền trong khi nguyên đơn biết ông Y là em trai của bà N và bà N cũng phải trả số tiền 120.000.000đ cho ông M, cũng không yêu cầu ông Y cùng ký vào giấy nhận tiền, cam kết giữ, giao lại cho ông M. Trường hợp ông Y có nhận thay hoặc giữ hộ cho ông M số tiền chuyển nhượng thì ông M vẫn là người có nghĩa vụ phải thực hiện thỏa thuận chuyển nhượng với bà N, bà P hoặc trả lại tiền nếu các bên hủy giao dịch dân sự, bởi lẽ, theo Giấy nhận tiền do chính nguyên đơn cung cấp, phù hợp với lời trình bày của ông Y là ông đã đưa lại giấy này cho bà P, bà N thì người ký là ông M.

[3] Từ những phân tích trên, thấy rằng nguyên đơn đề nghị Tòa án căn cứ điểm h khoản 1 Điều 214 Bộ luật Tố tụng dân sự, tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chuyển hồ sơ đến Cơ quan cảnh sát điều tra hoặc chờ kết quả giải quyết của Cơ quan điều tra Viện Kiểm sát nhân dân tối cao là không có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 5, 214 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà P, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng

[4] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều 5, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 238 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS – ST ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng;

### **Xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P về việc yêu cầu bị đơn ông Hồ Thăng Y phải trả lại số tiền 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*).

1. **Án phí dân sự:**

- **Án phí dân sự sơ thẩm:** Bà Nguyễn Thị P phải chịu là 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*). Được khấu số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) tại biên lai thu số 0001156 ngày 09/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, bà Nguyễn Thị P còn phải nộp tiếp số tiền 3.000.000đồng (*Ba triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- **Án phí dân sự phúc thẩm:** Bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại Biên lai thu số 0009610 ngày 07/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND quận Liên Chiểu;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- THADS quận Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Vương Thảo**